

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HS-ST

Ngày: 27-10-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Nhân – Cán bộ hưu trí.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Sương – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây – tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Bảo Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 28/2020/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Đặng Tân Sơn N, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2002, tại Tiền Giang; Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh T; Nghề nghiệp: không, trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Tấn H, sinh năm 1972 và con bà: Lưu Thị M, sinh năm 1975. Cùng ngụ tại: Ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh T; Anh, chị, em ruột có 01 người: sinh năm 1996; Vợ, con: chưa có; Tiền án: 00; Tiền sự: 00; Bị bắt tạm giam ngày 08/7/2020.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Đặng Tân Sơn N: Bà Bùi Thị Khánh T – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Người bị hại:

1. Nguyễn Trung N, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh T.

2. Huỳnh Quang K, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện G, tỉnh T.

3. Võ Yến T, sinh năm 2000 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T.

4. Võ Kim P, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện G, tỉnh T.

5. Phạm Huỳnh Nhất T, sinh năm 2005;

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện G, tỉnh T.

Đại diện hợp pháp:

+ Huỳnh Phi Y, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện G, tỉnh T

6. Nguyễn Thành N, sinh năm 2003 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T.

Đại diện hợp pháp:

+ Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 (có mặt);

+ Võ Thị X, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Kim Q, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh T.

2. Nguyễn Bảo L, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện G, tỉnh T.

3. Phạm Thị Thanh T, sinh năm 2000 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh T.

4. Trần Tuấn T, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh T.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn P, sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh T.

2. Nguyễn Hoài P, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh T.

3. Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T.

4. Nguyễn Thanh P, sinh năm 1990 (có đơn vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 5 năm 2020 sau khi đi chơi về đến cổng Q, xã L, huyện G, bị cáo Đặng Tân Sơn N đi bộ vòng ra ruộng vào nhà anh Huỳnh Quang K, sinh năm 1982, ngụ cùng ấp lén lút lấy trộm 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, 01 (một) điện thoại hiệu Nokia và 320.000 đồng trong túi áo khoác màu đen. Sau đó, N đi lên nhà trước mở cửa và đi ra.

Sau khi trộm xong nhà anh K, bị cáo N đi bộ đến nhà ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1962, ngụ cùng ấp cách đó khoảng 100 mét, bị cáo N đi từ phía sau nhà vào phòng ngủ của anh Nguyễn Trung N, sinh năm 1989 (con ruột ông B) lén lút lấy trộm 03 (ba) cái điện thoại thì bị anh N phát hiện nên bị cáo N liền lấy 03 (ba) cái điện thoại bỏ chạy về nhà và bỏ lại 01 (một) đôi dép màu xanh tại nhà anh N. Một lúc sau ông B đến gặp bị cáo N và kêu lên gặp anh N, trả lại điện thoại. Bị cáo N đến gặp anh N xin lỗi và lấy 03 (ba) cái điện thoại vừa trộm được trả lại cho anh N.

Vật chứng thu giữ:

- 02 (hai) cái điện gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động OPPO, mặt trước vỏ màu trắng, mặt sau màu hồng phấn, có ốp lưng màu đen, số kiểu A1601, số IMEI 1: 863632039996851, số IMEI 2: 863632039996844;

+ 01 (một) điện thoại di động Nokia, màu đen, có model: TA 1010, số IMEI 357678105944708 và Tiền Việt Nam: 320.000đ (Ba trăm hai chục nghìn đồng).

+ 01 (một) đôi dép màu xanh.

- 03 (ba) cái điện thoại gồm:

+ 01 (một) Điện thoại di động Samsung Galaxy S9, số seri: K39K209B9T, số IMEI (khe 1): 353551090416319, số EMEI (khe 2): 353551090416319, màu xanh;

+ 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy J2 Pro, màu xám, số IMEI (khe 1): 354802093337484, số EMEI (khe 2): 354803093337482;

+ 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy J2 Prime, màu xanh, số IMEI (khe 1): 359046080863145, số EMEI (khe 2): 359047080863143.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 38/KL-HĐĐGTTHS ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng định giá huyện G, xác định tài sản gồm 05 điện thoại bị cáo N đã trộm là 6.220.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là: 6.540.000 đồng.

Sau khi bị phát hiện, bị cáo Đặng Tân Sơn N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Sau đó, bị cáo N tiếp tục thực hiện 03 (ba) vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện G, cụ thể như sau:

Vụ thứ 01: Vào khoảng 06 giờ 40 phút, ngày 01 tháng 6 năm 2020, bị cáo N điều khiển xe mô tô hai bánh hiệu Nouvo (không nhớ biển số, bị cáo mượn của Nguyễn Thái P, sinh năm 1992, ngụ ấp H, xã L, huyện G) chạy ngang hộ chị Võ Yên T, sinh năm 2000, ngụ ấp T, xã B, huyện G. Bị cáo N ngừng xe lại đi vào nhà, rồi đi vào phòng ngủ của chị T kéo ngăn tủ bàn trang điểm lấy trộm 01 (một) chiếc nhẫn vàng 18K, có trọng lượng 05 (năm) phân 09 (chín) li, có đính một viên đá lớn màu trắng và nhiều viên đá nhỏ trên thân nhẫn rồi bỏ đi. Đến chiều cùng ngày, khi đang ở nhà Nguyễn Thái P thì bị cáo N đưa nhẫn vàng trộm được cho anh Nguyễn Văn P (P 8 ngón), sinh năm 1998, ngụ ấp H, xã L, huyện G nhờ cầm giùm. Anh P đem đến tiệm vàng H ở chợ L cầm với giá 1.000.000đ đồng (một triệu đồng) và về đưa tiền cho bị cáo N. Bị cáo N lấy hết số tiền trên không cho P tiền. Ngày 03/6/2020, bị cáo N tiếp tục đưa giấy cầm vàng cho anh T, sinh năm 1997, ngụ ấp Q, xã L, huyện G để nhờ Trãi bán giùm chiếc nhẫn. Kết quả, T bán được vàng và về đưa cho bị cáo N khoảng 300.000 đồng.

- Xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Nouvo (không rõ biển số) do chưa làm việc được Nguyễn Thái P nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G chưa xác minh được phương tiện trên.

- Đối với số tiền P cầm vàng được 1.000.000 đồng và số tiền T bán vàng được khoảng 300.000 đồng; cả hai đưa cho bị cáo N số tiền trên, bị cáo N trình bày đã tiêu xài cá nhân hết nên không thể thu hồi.

- Đối với chiếc nhẫn vàng 18K, có trọng lượng 5 phân 9 li, có đính một viên đá lớn màu trắng và nhiều viên đá nhỏ trên thân nhẫn. Do anh T không có mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G chưa mời làm việc được để thu hồi tang vật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 58/KL-HĐĐGTTHS ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng định giá tổ tụng hình sự huyện G, xác định giá trị tài sản thiệt hại là: 2.147.700 đồng.

Vụ thứ 02: Vào khoảng 03- 04 giờ ngày 20 tháng 6 năm 2020, bị cáo N mượn xe mô tô hai bánh (không rõ biển số) của Trần Minh T, sinh năm 1997, ngụ ấp Q, xã L, huyện G để đi về nhà. Bị cáo N chạy xe đậu trước nhà bà Võ Kim P, sinh năm 1961, ngụ ấp K, xã L, huyện G, tỉnh T. Do phát hiện có camera nên bị cáo N dùng kéo nhặt được trước đó cắt đứt 03 (ba) sợi dây cáp nguồn của 03 (ba) cái camera. Tiếp đến, bị cáo N mở cửa trước lên lút lấy trộm 03 (ba) cái điện thoại và 01 (một) Ipad. Sau đó, bị cáo N thấy có xe mô tô hai bánh biển số 63B5- 02069 dựng cập hiên nhà nên bị cáo N tìm chìa khóa và mở cốp lấy trộm 01 cái bóp rồi bỏ đi.

+ Khi trộm xong, khoảng hơn 05 giờ cùng ngày, bị cáo N chạy xe mô tô hai bánh về nhà Nguyễn Thanh P, sinh năm 1990, ngụ ấp L, xã L, huyện G. Tại nhà P có Nguyễn Ngọc C (Cum), sinh năm 1995, ngụ ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T. Bị cáo N nhờ P chạy ra nhà của P rước T về nhà P. Trong khi P đi rước T thì bị cáo N kiểm tra bóp tiền có 600.000 đồng (bị hại trình bày là 2.000.000đ) và các loại giấy tờ

(trong đó có giấy cầm vàng), bị cáo N lấy các sim điện thoại, cái bóp và giấy tờ đốt ở phía sau nhà P.

+ Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, khi P rước T về thì Nguyễn Hoài P, sinh năm 1983, ngụ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh T (M) cũng vào chơi. Tại nhà P thì bị cáo N đưa cho P cái điện thoại Sam sung J2 nhờ bán giùm. Sau đó, P đã bán lại cho cha mình là ông Nguyễn Kim Q, sinh năm 1958, ngụ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh T với giá là 500.000 đồng. Số tiền bán điện thoại trên thì T đến gặp P và tự động lấy tiền trên.

+ Cũng tại nhà P, bị cáo N đưa cho P bán giùm cái điện thoại hiệu HUAWEI. Nhưng sau đó, bị cáo N bán cho Nguyễn Bảo L, sinh năm 1993, ngụ ấp T, xã L, huyện G, tỉnh T giá 700.000 đồng. Do L có xin bị cáo N tiền và cho P 100.000 đồng nên L chỉ đưa cho bị cáo N 350.000 đồng.

+ Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, bị cáo N lấy cái Ipad chạy lại chương trình và đến nhà của Phạm Thị Thanh T, sinh năm 2000, ngụ ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh T cầm với giá là 2.500.000 đồng. Riêng cái điện thoại hiệu Vsmart thì bị cáo N cất giữ.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung, model SM-G532G/DS (Samsung J2), có số IMEI 359046/08/643393/5, số IMEI 359047/08/643393/3. Bị hại giao nộp 01 (một) vỏ hộp điện thoại hiệu Vsmart Active 1⁺; 01 (một) vỏ hộp điện thoại nhãn hiệu HUAWEI.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 62/KL-HĐĐGTTHS ngày 30/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản thì các tài sản do N trộm gồm 03 điện thoại, 01 ipad, 01 cái bóp có giá trị thiệt hại là: 19.060.000 đồng.

- Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, model CHC-U01, số IMEI1 869537023358337, số IMEI2 869537023383343; 01 cái Ipad , kiểu máy ipad pro (12,9 inch), số máy A1584 ML0R2LL/A, số sê-ri DLXK22LUF198; máy được gắn với ốp bàn phím có nhãn hiệu “Logi”.

Vụ thứ 03: Vào khoảng 04 giờ ngày 22 tháng 6 năm 2020, bị cáo N đi bộ từ nhà đến hộ anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980, ngụ ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T. Bị cáo N đi vòng ra phía sau nhà mở cửa đi vào lén lút lấy trộm 02 (hai) cái điện thoại di động và 01 (một) cái bóp. Sau đó, bị cáo N đi ra phía sau nhà anh T khoảng 20 mét kiểm tra cái bóp có 01 cái điện thoại vỏ Samsung, máy Trung Quốc và 01 sợi dây chuyền nên lấy điện thoại và dây chuyền rồi ném lại cái bóp tại chỗ.

+ Khi về nhà, bị cáo N lấy các sim điện thoại đốt cháy hết. Đến khoảng 07 giờ ngày 23 tháng 6 năm 2020 bị cáo N đến nhà Trần Tuấn T (B), sinh năm 1988, ngụ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh T để nhờ T đưa cái điện thoại hiệu VIVO cho Lê Minh H, sinh năm 1987, ngụ ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T.

+ Còn cái điện thoại Realme cùng cái điện thoại hiệu Vsmart (trộm tại hộ bà Võ Kim P) thì bị cáo N đưa cho T chạy lại chương trình. Cái điện thoại Trung Quốc thì N cho T nhưng T không lấy nên bị cáo N ném ở kênh ấp L, xã L (không nhớ rõ

địa điểm). Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 23 tháng 6 năm 2020 bị cáo N đem sợi dây chuyền bán tại tiệm vàng (không nhớ tên) ở thị xã G được 4.200.000 đồng.

+ Tại thời điểm bị cáo N đưa điện thoại cho anh T thì anh T có nói do N thiếu tiền nên nếu N không trả tiền thì T sẽ đem bán 02 (hai) điện thoại nêu trên, N đồng ý. Sau đó, T nhờ B đem đi cầm cái điện thoại hiệu Realme thì B tự ý mua lại giá 2.000.000 đồng và đã đưa tiền cho T; cái điện thoại Vsmart thì T đem bán tại cửa hàng điện thoại H ở ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh T với số tiền 1.100.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: điện thoại di động nhãn hiệu realme C3, số IMEI1: 860750041354258, số IMEI2 860750041354241, màu xanh.

- 01 vỏ hộp điện thoại hiệu Realme C3, có thông tin: số IMEI1: 860750041354258, số IMEI2 860750041354241, màu xanh.

- 01 (một) vỏ hộp điện thoại hiệu Vivo 1820 (vivo Y91C), có thông tin: số IMEI1 860900045561297, số IMEI2 860900045561289, màu đỏ.

- 01 (một) giấy bảo đảm của tiệm vàng “P”, đề ngày 18/3/2020, ghi thông tin 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ 05 phân 9li7

- 01 (một) cái bóp kiểu nữ màu đỏ, phần trước có hoa văn màu đỏ đen, có dây đeo, trên dây đeo có dòng chữ “KUCHEN&BAG.1980”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 60 ngày 25/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản thì các tài sản do N trộm (03 điện thoại, 01 sợi dây chuyền, 01 cái bóp) có giá trị thiệt hại là: 10.279.950 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKSGCT ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Đặng Tân Sơn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Điều 52, Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nhất từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Hình phạt bổ sung: không. Các biện pháp tư pháp: không.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) đôi dép màu xanh, trên quai dép có dòng chữ “DUWA” màu đỏ.

Về trách nhiệm dân sự: các bị hại đã được nhận lại tài sản, đã được bồi thường xong và có đơn yêu cầu không bồi thường dân sự nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là đúng như trong bản cáo trạng đã công bố. Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đúng tội, không oan sai.

Người bào chữa cho bị cáo N trình bày: Thống nhất về tội danh đại diện Viện kiểm sát truy tố, tuy nhiên mức hình phạt còn nghiêm khắc, bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo N phạm tội khi chưa thành niên, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91 Bộ luật hình sự, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Những người bị hại: Nguyễn Trung N, Huỳnh Quang K, Võ Yến T vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Kim Q, Nguyễn Bảo L, Phạm Thị Thanh T, Trần Tuấn T vắng mặt.

Tuy nhiên, các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên là phù hợp với Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung: Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phân xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại xã L, huyện G, tỉnh T bị cáo Đặng Tân Sơn N đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản là 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, 01 (một) điện thoại hiệu Nokia và 320.000 đồng của anh Huỳnh Quang K và lấy trộm 03 (ba) cái điện thoại của anh Nguyễn Trung N.

Sau đó, bị cáo N tiếp tục thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện G cụ thể như sau: Vào ngày 01 tháng 6 năm 2020, bị cáo N có hành vi lén lút lấy trộm 01 (một) chiếc nhẫn vàng 18K có trọng lượng 05 (năm) phân 09 (chín) li, có đính một viên đá lớn màu trắng và nhiều viên đá nhỏ trên thân nhẫn của chị Võ Yến T. Vào ngày 20/6/2020, bị cáo N dùng kéo cắt đứt 03 (ba) sợi dây cáp nguồn của 03

(ba) cái camera của nhà bà Võ Kim P, bị cáo N mở cửa trước lén lút lấy trộm 03 (ba) cái điện thoại và 01 (một) cái Ipad. Sau đó, bị cáo N thấy có xe mô tô hai bánh biển số 63B5- 02069 dựng cặp hiên nhà nên bị cáo N tìm chìa khóa và mở cốp lấy trộm 01 cái bóp rồi bỏ đi. Vào ngày 22 tháng 6 năm 2020, bị cáo N đi bộ từ nhà đến hộ anh Nguyễn Văn T lén lút lấy trộm 02 (hai) cái điện thoại di động và 01 (một) cái bóp, bị cáo N đi ra phía sau nhà anh T khoảng 20 mét kiểm tra cái bóp có 01 cái điện thoại võ Samsung, máy Trung Quốc và 01 sợi dây chuyền nên lấy điện thoại và sợi dây chuyền rồi ném lại cái bóp tại chỗ. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 38.627.650 đồng, do đó đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Đặng Tân Sơn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy ít nghiêm trọng, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản thu hồi trả lại cho các bị hại, bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân không tốt, đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép ma túy.

[8] Về xử lý vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) đôi dép màu xanh, trên quay dép có dòng chữ “DUWA” màu đỏ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/10/2020.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường xong nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 101 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136, các điều 106, 329, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Tân Sơn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đặng Tân Sơn N 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/7/2020.

Quyết định tạm giam bị cáo Đặng Tân Sơn N 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) đôi dép màu xanh, trên quay dép có dòng chữ “DUWA” màu đỏ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/10/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã được nhận lại tài sản, đã được bồi thường xong và có đơn không yêu cầu bồi thường dân sự nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Bị cáo Đặng Tân Sơn N phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh TG;
- VKSND H.G;
- CQĐT, CQ THAHSCA H. G;
- Nhà tạm giữ CAH.G;
- CC.THADS H.G;
- UBND xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Hồ sơ vụ án, Lưu AV.

Đặng Thị Thanh Trinh

